



ASEANAC
HỢP TÁC CÙNG PHÁT TRIỂN

**CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN
MƯỜNG TÈ**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN ASEAN



CamScanner

Được quét bằng CamScanner

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Chủ tịch Công ty	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-18
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-18

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MƯỜNG TÈ

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty TNHH Thủy điện Huyện Mường Tè (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Công ty Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công ty TNHH Thủy điện Huyện Mường Tè là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 15/09/2009 của UBND tỉnh Lai Châu và Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 04/03/2020 của UBND tỉnh Lai Châu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số: 6200044502 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lai Châu cấp lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2008, thay đổi lần thứ năm ngày 04 tháng 12 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại địa chỉ: Khu 2, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ tư ngày 19 tháng 05 năm 2020 là: **38.715.948.126 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tám tỷ, bảy trăm mười lăm triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn, một trăm hai mươi sáu đồng).**

Trụ sở hoạt động:

Địa chỉ : Khu 2, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Chủ tịch Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là: ông Vũ Văn Bôi, cũng là người đại diện theo Pháp luật của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Asean đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Chủ tịch Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MƯỜNG TÈ

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu

Chủ tịch Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chủ tịch Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ Cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lai Châu, ngày 12 tháng 01 năm 2024

Số: /2024/ASEAN/BCKT-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ tịch Công ty
Công ty TNHH Thủy điện Huyện Mường Tè**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Thủy điện Huyện Mường Tè được lập ngày 12 tháng 01 năm 2024, từ trang 06 đến trang 18, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch Công ty

Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ đối chiếu các khoản công nợ phải thu khách hàng có tổng giá trị: 255.099.582 đồng trong chỉ tiêu: "Phải thu ngắn hạn của khách hàng" trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác, chúng tôi không thể xác nhận số dư của các khoản mục này trên Báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như ảnh hưởng của nó đến các khoản mục có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề được nêu tại đoạn Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Thủy điện Huyện Mường Tè tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ Cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Asean



Mai Việt Thắng

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3421-2020-176-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 01 năm 2024

Bùi Đình Đạt

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2471-2024-176-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.014.467.408	1.720.647.606
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	1.326.771.341	1.069.360.287
111	1. Tiền		1.326.771.341	1.069.360.287
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		687.696.067	651.287.319
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	687.696.067	525.287.319
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		-	126.000.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		19.147.513.952	22.758.007.122
220	II. Tài sản cố định		18.903.290.609	22.524.026.749
221	1. Tài sản cố định hữu hình	5	18.903.290.609	22.524.026.749
222	- Nguyên giá		102.813.548.367	102.813.548.367
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(83.910.257.758)	(80.289.521.618)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		244.223.343	233.980.373
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	6	244.223.343	233.980.373
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		21.161.981.360	24.478.654.728

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.469.975.538	2.402.010.548
310	I. Nợ ngắn hạn		2.469.975.538	2.402.010.548
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	7	1.802.333.000	1.812.351.929
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	8	349.583.680	323.417.523
314	3. Phải trả người lao động		109.529.200	59.241.096
319	4. Phải trả ngắn hạn khác		1.529.658	-
320	5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	9	207.000.000	207.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		18.692.005.822	22.076.644.180
410	I. Vốn chủ sở hữu	10	18.692.005.822	22.076.644.180
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		38.715.948.126	38.715.948.126
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(20.023.942.304)	(16.639.303.946)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(16.639.303.946)	(13.198.858.585)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		(3.384.638.358)	(3.440.445.361)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		21.161.981.360	24.478.654.728

Bạc Thị Yên
Người lập

Bạc Thị Yên
Phụ trách kế toán





Vũ Văn Bồi
Chủ tịch Công ty

Lai Châu, ngày 12 tháng 01 năm 2024

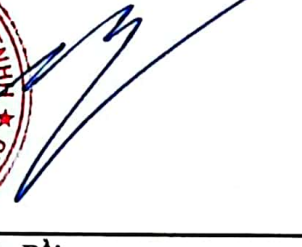
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	11	1.847.485.560	2.091.854.723
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.847.485.560	2.091.854.723
11	4. Giá vốn hàng bán	12	3.654.844.010	4.374.122.412
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(1.807.358.450)	(2.282.267.689)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	13	3.491.583	2.087.258
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	14	1.580.660.300	1.096.814.059
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.384.527.167)	(3.376.994.490)
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác	15	111.191	4.567.871
40	13. Lợi nhuận khác		(111.191)	(4.567.871)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(3.384.638.358)	(3.381.562.361)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	16	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(3.384.638.358)	(3.381.562.361)


Bạc Thị Yên
Người lập


Bạc Thị Yên
Phụ trách kế toán




Vũ Văn Bồi
Chủ tịch Công ty
Lai Châu, ngày 12 tháng 01 năm 2024


538.
CÔNG TY
HỮU
TÀ TỬ
AN
TP


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Năm 2023

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		2.073.895.726	2.536.289.388
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(443.926.413)	(407.805.289)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(796.898.354)	(755.486.286)
06	4. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		26.777.900	20.000.000
07	5. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(605.929.388)	(731.888.541)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		253.919.471	661.109.272
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.491.583	2.087.258
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		3.491.583	2.087.258
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		257.411.054	663.196.530
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		1.069.360.287	406.163.757
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	1.326.771.341	1.069.360.287


Bạc Thị Yên
Người lập


Bạc Thị Yên
Phụ trách kế toán


Vũ Văn Bôi
Chủ tịch Công ty

Lai Châu, ngày 12 tháng 01 năm 2024



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2023

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Thủy điện Huyện Mường Tè là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 1358/QĐ-UBND ngày 15/09/2009 của UBND tỉnh Lai Châu và Quyết định số 202/QĐ-UBND ngày 04/03/2020 của UBND tỉnh Lai Châu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số: 6200044502 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lai Châu cấp lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2008, thay đổi lần thứ năm ngày 04 tháng 12 năm

Trụ sở chính của Công ty đặt tại địa chỉ: Khu 2, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

Vốn góp của chủ sở hữu tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 38.715.948.126 đồng (Bằng chữ: *Ba mươi tám tỷ, bảy trăm mười lăm triệu, chín trăm bốn mươi tám nghìn, một trăm hai mươi sáu đồng*).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất điện;
- Truyền tải và phân phối điện;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Xây dựng công trình điện;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại Công ty.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20	năm

2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.9 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.10 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

2.11. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

2.12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.13. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MƯỜNG TÈĐịa chỉ: Khu 2, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè,
tỉnh Lai Châu**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**2.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

2.15. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	47.846.332	30.973.921
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.278.925.009	1.038.386.366
	<u>1.326.771.341</u>	<u>1.069.360.287</u>

4. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	428.690.822	266.282.074
- Trung tâm Viễn thông huyện Mường Tè	3.905.663	3.905.663
- Các đối tượng khác	255.099.582	255.099.582
	<u>687.696.067</u>	<u>525.287.319</u>

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MƯỜNG TÈĐịa chỉ: Khu 2, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè,
tỉnh Lai Châu**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

5 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u> VND	<u>Máy móc, thiết bị</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	86.250.810.712	16.562.737.655	102.813.548.367
- Mua trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	86.250.810.712	16.562.737.655	102.813.548.367
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	66.198.251.854	14.091.269.764	80.289.521.618
- Khấu hao trong năm	2.514.643.065	1.106.093.075	3.620.736.140
Số dư cuối năm	68.712.894.919	15.197.362.839	83.910.257.758
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	20.052.558.858	2.471.467.891	22.524.026.749
Tại ngày cuối năm	17.537.915.793	1.365.374.816	18.903.290.609

6 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>31/12/2023</u> VND	<u>01/01/2023</u> VND
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	70.808.994	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	173.414.349	233.980.373
	244.223.343	233.980.373

7 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	<u>Giá trị</u> VND	<u>Số có khả năng</u> VND	<u>Giá trị</u> VND	<u>Số có khả năng trả</u> VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Điện lực Lai Châu	1.767.433.000	1.767.433.000	1.767.433.000	1.767.433.000
Phải trả các đối tượng khác	34.900.000	34.900.000	44.918.929	44.918.929
	1.802.333.000	1.802.333.000	1.812.351.929	1.812.351.929

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MƯỜNG TÈĐịa chỉ: Khu 2, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè,
tỉnh Lai Châu**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023**8 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh tăng trong kỳ		Số phát sinh giảm trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
			Số được khấu trừ trong kỳ	Số phát sinh trong kỳ	Số đã khấu trừ trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	256.779.655	38.311.263	180.723.541	38.311.263	133.788.711	-	265.403.222
Thuế Tài nguyên	-	66.637.868	-	144.173.017	-	138.050.923	-	72.759.962
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	63.922.356	-	52.501.860	-	11.420.496
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	3.111.191	-	3.111.191	-	-
	-	323.417.523	38.311.263	391.930.105	38.311.263	327.452.685	-	349.583.680

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MƯỜNG TÈ

Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh
Lai Châu

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

9 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2023		Trong năm		31/12/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn						
Ban quản lý Phát triển Kinh tế Xã hội huyện Mường Tè	207.000.000	207.000.000	-	-	207.000.000	
	207.000.000	207.000.000	-	-	207.000.000	

38.11
TY
HUU
TU
N
P



10 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	38.715.948.126	(13.198.858.585)	25.517.089.541
Lãi trong năm trước	-	(3.381.562.361)	(3.381.562.361)
Giảm khác	-	(58.883.000)	(58.883.000)
Số dư cuối năm trước	38.715.948.126	(16.639.303.946)	22.076.644.180
Số dư đầu năm nay	38.715.948.126	(16.639.303.946)	22.076.644.180
Lãi trong năm nay	-	(3.384.638.358)	(3.384.638.358)
Số dư cuối năm nay	38.715.948.126	(20.023.942.304)	18.692.005.822

11 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	1.847.485.560	2.091.854.723
	1.847.485.560	2.091.854.723

12 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.654.844.010	4.374.122.412
	3.654.844.010	4.374.122.412

13 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.491.583	2.087.258
	3.491.583	2.087.258

14 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.985.010	11.193.760
Chi phí nhân viên quản lý	1.100.414.919	947.856.253
Chi phí đồ dùng văn phòng	82.031.991	35.323.184
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	301.384.380	23.694.862
Chi phí khác bằng tiền	88.844.000	75.746.000
	1.580.660.300	1.096.814.059

CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MƯỜNG TÈĐịa chỉ: Khu 2, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè,
tỉnh Lai Châu**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

15 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Phạt chậm nộp thuế, vi phạm hành chính	111.191	4.567.871
	111.191	4.567.871

16 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.384.638.358)	(3.381.562.361)
Các khoản điều chỉnh tăng	111.191	4.567.871
- Chi phí không hợp lệ	111.191	4.567.871
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(3.384.527.167)	(3.376.994.490)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (20%)	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

THÔNG TIN KHÁC**17 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**


Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.


18 . SỐ LIỆU SO SÁNH

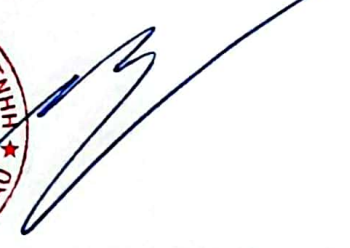
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán KSI Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội sau khi đã điều chỉnh một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh này đến số liệu báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số sau điều chỉnh	Số trước điều chỉnh	Chênh lệch
			VND	VND
Bảng cân đối kế toán				
Vốn góp của chủ sở hữu	411	38.715.948.126	-	38.715.948.126
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a	(13.198.858.585)	(16.075.952.143)	2.877.093.558
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	-	41.593.041.684	(41.593.041.684)


Bạc Thị Yên
Người lập


Bạc Thị Yên
Phụ trách kế toán


Vũ Văn Bồi
Chủ tịch Công ty
Lai Châu, ngày 12 tháng 01 năm 2024



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG

(Mô hình Công ty độc lập, Công ty mẹ - Tập đoàn, Tổng công ty)

D: Số dư của khoản mục, P: Số phát sinh trong kỳ báo cáo (Năm 2023)

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/Số cuối kỳ	Năm trước/Số đầu kỳ
1. Nợ phải thu khó đòi		D (đồng)	687.696.067	651.287.319
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm		P (đồng)	162.408.748	
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm		P (đồng)	126.000.000	3.774.745
2. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong nước		D (đồng)	207.000.000	207.000.000
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)		
b) Dư nợ cuối kỳ các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		D (đồng)	207.000.000	207.000.000
3. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn nước ngoài		D (đồng)		
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)		
b) Dư nợ cuối kỳ các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn khác		D (đồng)		
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong nước		D (đồng)		
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD		D (đồng)		
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)		
c) Thuê tài chính dài hạn trong nước		D (đồng)		
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác		D (đồng)		
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn nước ngoài		D (đồng)		
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ		D (đồng)		
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh		D (đồng)		
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả		D (đồng)		
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)		

e) Các khoản vay nước ngoài còn lại		D (đồng)		
6. Nợ phải trả quá hạn		D (đồng)		
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang			323.417.523	347.226.399
8. Vốn điều lệ		D (đồng)	38.715.948.126	38.715.948.126
9. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN		P (đồng)	353.618.842	429.445.239
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa		P (đồng)	353.618.842	429.445.239
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK		P (đồng)		
c) Cổ tức, số lợi nhuận còn lại phát sinh phải nộp NSNN		P (đồng)		
10. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN		P (đồng)	327.452.685	453.254.115
- Lợi nhuận đã nộp NSNN		P (đồng)		
11. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau		D (đồng)	349.583.680	323.417.523
12. Tổng quỹ lương		P (đồng)	809.345.000	748.000.000
13. Số lao động bình quân (người)		P (người)	10	10
14. Tiền lương bình quân người/năm		P (đồng)	80.934.500	74.800.000

Ghi chú:

Báo cáo này nằm ngoài báo cáo tài chính của đơn vị. Doanh nghiệp căn cứ vào số liệu theo dõi trên sổ sách

Mường Tè, ngày 20 tháng 03 năm 2024
CÔNG TY TNHH THỦY ĐIỆN HUYỆN MƯỜNG TÈ
 (Ký tên, đóng dấu)
CÔNG TY T.N.H.H THỦY ĐIỆN H. MƯỜNG TÈ
 H. MƯỜNG TÈ - T. LẠCH CHÂU
Vũ Văn Bồi